

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ - ST
Ngày 24 tháng 12 năm 2021
“*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông, bà Vũ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chín - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Chị Chu Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Anh Q, chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Trần Văn Quân vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã trình bày:

Anh và chị T kết hôn với nhau ngày 06/10/1998, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh được một thời gian

thì anh chị ra ở riêng. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Cả hai đều nghi ngờ nhau về chuyện tình cảm. Đã nhiều lần hai vợ chồng ngồi lại với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng chỉ được một thời gian ngắn rồi lại phát sinh mâu thuẫn, làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng. Anh và chị T sống ly thân khoảng từ tháng 7/2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị Chu Thị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 04 con chung: Trần Thị Thanh T, sinh ngày 16/10/1999; Trần Thị H, sinh ngày 04/5/2001; Trần Thị Phương L, sinh ngày 16/5/2004; Trần Tuấn A, sinh ngày 21/11/2007. Cháu T và cháu H đã trên 18 tuổi, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cháu L hiện đang ở với anh; cháu T hiện đang ở với chị T. Ly hôn anh xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Nhất trí để chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tuấn A. Cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức lao động: Anh không đề nghị giải quyết.

Bị đơn chị Chu Thị T vắng mặt tại Tòa, nhưng tại Bản tự khai đề ngày 15 tháng 11 năm 2021, chị T trình bày:

Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng như anh Q trình bày là đúng. Chị và anh Q sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh Q làm đơn xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn anh Q để cả hai giải thoát cho nhau.

- Về con chung: Chị và anh Q có 04 con chung là các cháu: Trần Thị Thanh T, sinh ngày 16/10/1999; Trần Thị H, sinh ngày 04/5/2001; Trần Thị Phương L, sinh ngày 16/5/2004; Trần Tuấn A, sinh ngày 21/11/2007. Cháu T và cháu H đã trên 18 tuổi, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Cháu L hiện đang ở với anh Q; cháu Tuấn A hiện đang ở với chị. Ly hôn chị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn A. Nhất trí để anh Q nuôi

dưỡng, chăm sóc cháu L. Cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức lao động: Chị không đề nghị giải quyết. Do chị bận công việc không về Tòa án giải quyết việc ly hôn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt, chị không ý kiến, thắc mắc gì.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Đ, chính quyền địa phương cung cấp: Về hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Chu Thị T kết hôn với nhau ngày 06/10/1998, và được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn của anh Q và chị T không thuộc trường hợp bị đe dọa, cưỡng ép kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị T thì Ủy ban nhân dân xã Đ không biết vì thực tế các khối đoàn thể hay Ủy ban nhân dân xã Đ đều không nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng của anh Q, chị T. Về con chung: Anh Q và chị T có 04 con chung là các cháu: Trần Thị Thanh T, sinh ngày 16/10/1999; Trần Thị H, sinh ngày 04/5/2001; Trần Thị Phương L, sinh ngày 16/5/2004; Trần Tuấn A, sinh ngày 21/11/2007. Nay anh Q có đơn xin ly hôn chị T, Ủy ban nhân dân xã Đ đề nghị Tòa án giải quyết giao con theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho cháu. Về các mối quan hệ khác trong vụ án giữa anh Q và chị T, Ủy ban nhân dân xã Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Ủy ban nhân dân xã Đ không nhận được bất kỳ đơn thư tố cáo của tổ chức hay cá nhân nào liên quan đến anh Q và chị T về hành vi vi phạm pháp luật.

Quá trình làm việc tại Tòa án cháu L và cháu Tuấn A trình bày: Các cháu là con của anh Trần Văn Q và chị Chu Thị T. Hiện tại cháu L đang ở với anh Q; cháu Tuấn A đang ở với chị T. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu L xin ở với bố là anh Q; cháu Tuấn A xin ở với mẹ là chị T.

Cháu H và cháu T đã trên 18 tuổi và đã lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án giải quyết về việc giao nuôi con chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án

theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh Q, chị T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh Q và chị T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Cho anh Trần Văn Q được ly hôn chị Chu Thị T; về con chung: Anh Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Phương L, sinh ngày 16/5/2004. Chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 21/11/2007. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh Q, chị T không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trần Văn Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Chu Thị T, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 6, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Tại phiên tòa anh Q và chị T vắng mặt, tuy nhiên anh Q và chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt do anh, chị phải đi làm xa và do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên anh, chị không về được. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Chu Thị T đăng ký kết hôn ngày 06/10/1998, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Vĩnh Tường. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa anh Q, chị T thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa anh Q, chị T có

rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như anh Q trình bày do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Cả hai đều nghi ngờ nhau về chuyện tình cảm, anh và chị T đã nhiều lần ngồi lại với nhau nhưng không hàn gắn được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh Q và chị T có hộ khẩu cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị T. Việc anh Q xin ly hôn và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía chị T cũng thừa nhận chị và anh Q mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung nên anh Q xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Q xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Q và chị T có 04 con chung là các cháu: Trần Thị Thanh T, sinh ngày 16/10/1999; Trần Thị H, sinh ngày 04/5/2001; Trần Thị Phương L, sinh ngày 16/5/2004; Trần Tuấn A, sinh ngày 21/11/2007. Cháu T và cháu H đã trên 18 tuổi, nên anh Q, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung. Cháu L hiện đang ở với anh Q; cháu Tuấn A hiện đang ở với chị T. Ly hôn anh Q và chị T thống nhất anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L. chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn A. Cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện tại cháu L và cháu Tuấn A đã trên 7 tuổi; cháu L có nguyện vọng muốn được ở với anh Q; cháu Tuấn A có nguyện vọng muốn được ở với chị T. Theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cũng như không làm xáo trộn cuộc sống, học tập của các cháu, cần giao cháu L cho anh Q; giao cháu Tuấn A cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con chung anh Q, chị T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Anh Q, chị T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn Q được ly hôn chị Chu Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Trần Văn Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Phương L, sinh ngày 16/5/2004; chị Chu Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 21/11/2007. Hiện cháu L đang ở với anh Q; cháu Tuấn A đang ở với chị T. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn Q phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005326 ngày 09/11/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Anh Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Duy Lục

Phùng Văn Thông

Hoàng Thị Quỳnh